



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – TƯ VẤN TÀI CHÍNH D.N.P
D.N.P Auditing – Financial Consulting Company Limited
Office: 243/16 Chu Văn An, Q.Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 35164397 - Fax: (84-8) 35164475
E: dnp@kiemtoandnp.com.vn - W: kiemtoandnp.com.vn

Số: 130/2016/DNP-BCKIT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk, được lập ngày 16 tháng 02 năm 2015, từ trang 07 đến trang 34 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, chúng tôi chưa thu thập được bằng chứng liên quan đến cơ sở dẫn liệu quyền và nghĩa vụ của các khoản công nợ phải thu khách hàng, phải thu khác, dự phòng nợ phải thu khó đòi và tạm ứng với tổng số tiền là 22.922.063.784 VND. Đây là các khoản thường cho nhân viên không phù hợp, các sai sót trong chi phí xây dựng cơ bản, chi phí thiệt hại đầu tư, các khoản dự phòng chưa đủ thủ tục, ... phát sinh từ những năm trước đây. Đồng thời chúng tôi cũng chưa đánh giá được khả năng thu hồi của các khoản nợ này trong tương lai.

Như đã trình bày tại thuyết minh V.10 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, trong giá trị tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang có phát sinh một số chi phí thiệt hại liên quan đến vườn cà

032032-
CÔNG TY
KIỂM TOÁN
TÀI CHÍNH
D.N.P
H. TP. HỒ CHÍ MINH

phê, vườn cao su, vườn điều, vườn rừng Attapu và Trung tâm thương mại ước tính là 16.673.070.165 VND. Giá trị thiệt hại này là các chi phí không đủ điều kiện để ghi nhận tài sản cố định hữu hình và chi phí xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa được Công ty xem xét để xử lý vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, Vườn cà phê tại PakSong có nguyên giá: 32.114.466.772 VND, đã khấu hao lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là: 3.590.835.256 VND, do không còn khai thác được nên tạm treo chi phí khấu hao của năm 2014 vào chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang, làm giảm mức khấu hao của năm 2014 khoảng 2.266.538.729 VND. Tổng cộng chi phí thiệt hại chưa được xử lý là: 19.096.293.478 VND.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "*Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ*", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt cho

Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Tài chính DNP



Lê Tiên Dũng – Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0826-2013-048-1

Đặng Ngọc Hiền – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2731-2013-048-1



TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		60.035.072.816	92.937.063.608
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.839.708.200	14.557.448.617
1. Tiền	111		12.839.708.200	14.027.448.617
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	530.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.237.847.060	19.780.043.823
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	5.568.363.833	8.925.005.948
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.476.578.899	3.263.718.109
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	8.058.545.866	8.335.251.037
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(865.641.538)	(818.138.192)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	74.206.921
IV. Hàng tồn kho	140		20.867.014.915	47.097.567.976
1. Hàng tồn kho	141	V.5	20.867.014.915	47.263.363.417
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(165.795.441)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.090.502.641	11.502.003.192
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.913.505	81.147.251
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		678.946	68.001
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.6	12.083.910.190	11.420.787.940



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.518.718.862.194	1.441.132.544.593
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.223.511.891.663	1.024.309.177.978
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.222.895.365.675	1.023.666.312.323
<i>Nguyên giá</i>	222		1.425.085.641.885	1.172.563.291.490
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(202.190.276.210)	(148.896.979.167)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	616.525.988	642.865.655
<i>Nguyên giá</i>	228		1.012.458.723	956.898.570
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(395.932.735)	(314.032.915)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		281.425.308.027	407.746.984.669
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	281.425.308.027	407.746.984.669
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		13.781.662.504	9.076.381.946
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	13.781.662.504	9.076.381.946
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.578.753.935.010	1.534.069.608.201

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		806.160.973.686	809.980.703.557
I. Nợ ngắn hạn	310		282.853.206.840	192.195.541.196
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	1.592.889.953	5.721.631.069
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1.584.356.442	2.923.951.787
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	3.615.489.920	2.446.179.046
4. Phải trả người lao động	314	V.15	27.884.005.703	23.417.066.017
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	796.919.329	1.982.275.909
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	12.273.522.229	2.631.802.793
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	235.100.856.855	153.023.538.416
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		5.166.409	49.096.159
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		523.307.766.846	617.785.162.361
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	523.307.766.846	617.785.162.361
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		772.592.961.324	724.088.904.644
I. Vốn chủ sở hữu	410		772.592.961.324	724.088.904.644
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	732.000.000.000	732.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.19	92.548.142.480	39.709.117.625
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	(51.955.181.156)	(47.620.212.981)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.578.753.935.010	1.534.069.608.201

Đắk Lắk, ngày 16 tháng 02 năm 2016



Lê Thanh Cường
Kế toán trưởng



Văn Đức Lư
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

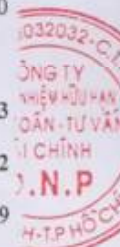
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	412.668.973.306	291.860.886.192
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		412.668.973.306	291.860.886.192
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	324.326.763.345	233.364.778.032
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		88.342.209.961	58.496.108.160
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.511.290.367	19.915.212.508
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	66.921.006.892	56.897.501.514
Trong đó: chi phí lãi vay	23		56.249.320.305	53.901.929.610
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	6.514.608.198	5.396.261.813
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	13.641.812.222	13.218.376.152
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.776.073.016	2.899.181.189
12. Thu nhập khác	31	VI.7	418.271.877	2.958.792.151
13. Chi phí khác	32	VI.8	68.416.815	2.481.336.819
14. Lợi nhuận khác	40		349.855.062	477.455.332
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.125.928.078	3.376.636.521
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	6.602.636.447	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(1.476.708.369)</u>	<u>3.376.636.521</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		(1.476.708.369)	3.376.636.521
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>(20)</u>	<u>46</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-



Đắk Lắk, ngày 16 tháng 02 năm 2016

Lê Thanh Cường
Kế toán trưởngVăn Đức Lư
Tổng Giám đốc